

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

Về việc “Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú”

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Chủ tọa phiên họp: Bà **Lê Thị Thúy Hằng** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên họp:

Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2018/TLST-VDS ngày 17 tháng 05 năm 2019 về việc “*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*” theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2019/QĐPH-ST ngày 27 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị **Mai Thị Hồng Ph**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp Thuận B, xã Trường M, huyện Dương Minh Ch, tỉnh Tây N

Người bị yêu cầu:

Anh **Lê Trường S**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú cuối cùng: tại ấp Vĩnh Q, xã Vĩnh Hòa Ph, huyện Châu Th, Kiên G.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự chị Mai Thị Hồng Ph trình bày: Chị và anh Lê Trường S thành lập gia đình với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh S chung sống với nhau được 02 tháng thì anh S bỏ nhà ra đi từ đó đến nay không liên lạc, không về địa phương, hiện nay không rõ ở đâu. Do đó chị Ph yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Lê Trường S về để giải quyết việc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Anh Lê Trường S đã bỏ địa phương đi từ tháng 02 năm 2014 đến nay không biết tin tức và được chính quyền địa phương xác nhận, vì vậy chị Mai Thị Hồng Ph yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú là có căn cứ.

[2] Nội dung đơn yêu cầu tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và các tài liệu kèm theo của chị Mai Thị Hồng Ph đối với anh Lê Trường S là đúng quy định tại Điều 381 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 64 bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Th phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm Phán, việc chấp hành tố tụng của người yêu cầu đúng quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Th chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Hồng Ph về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Lê trường S.

Xét thấy yêu cầu trên đây là có căn cứ, đúng pháp luật nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; khoản 3 Điều 144; các điều 149, 370, 371, 372, 381 và 383 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 64 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị Hồng Ph về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh Lê Trường S.

2. Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Lê trường S.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Mai Thị Hồng Ph phải nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Ph được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009744, ngày 07 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh Kiên G.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Đương sự vắng mặt tại phiên

hợp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lê Thị Thúy Hằng

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-.....⁽²⁾

....., ngày tháng năm

V/v⁽³⁾.....

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà)

Các Thẩm phán: ⁽⁴⁾ Ông (Bà)

Ông (Bà)

Thư ký phiên họp: Ông (Bà)⁽⁵⁾ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên họp:
Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.Ngày..... tháng..... năm....., tại⁽⁶⁾ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số /...../TLST-.... ngày..... tháng năm..... về việc⁽⁷⁾ theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số //QĐST-..... ngày..... tháng..... năm....., gồm những người tham gia tố tụng sau đây:- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁸⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁹⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự: ⁽¹⁰⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹¹⁾

.....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹²⁾

.....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽¹³⁾

.....

- Người làm chứng (nếu có):⁽¹⁴⁾

.....

- Người phiên dịch (nếu có):⁽¹⁵⁾

.....
 - Người giám định (nếu có):⁽¹⁶⁾

.....
NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:⁽¹⁷⁾

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân nhận định:⁽¹⁸⁾

[1]

[2].....

[3].....

.....
QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ⁽¹⁹⁾

-⁽²⁰⁾

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự⁽²¹⁾

- Quyền kháng cáo, kháng nghị⁽²²⁾

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án⁽²³⁾

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 370 Bộ luật

Tổ tụng dân sự;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP⁽²⁴⁾

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

- (4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.
- (5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.
- (6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).
- (7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.
- (8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm....”
- Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).
- Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm...).
- (10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.
- (11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).
- (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).
- (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).
- (14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.
- (15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.
- (17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.
- (18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].
- (19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.
- (20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.
- (21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.
- (22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.
- (23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- (24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

**“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
HỌP**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"